

SINH THÁI HỌC VĂN HÓA VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VƯỜN NHÀ VÀ NGƯỜI CAO TUỔI Ở MỘT LÀNG VIỆT TRƯỚC ĐỔI MỚI

TS. Nguyễn Công Thảo
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết là kết quả khảo sát về vườn nhà ở một làng ngoại thành Hà Nội. Dưới góc nhìn của người nông dân, ngoài lợi ích kinh tế, vườn còn đem lại những lợi ích về mặt môi trường, sức khỏe, văn hóa, xã hội. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, vườn nhà là không gian được tạo dựng, chăm sóc bởi người cao tuổi là chủ yếu; tạo ra mối gắn kết giữa người cao tuổi với các thế hệ sau; nhằm trao truyền những tri thức, kinh nghiệm dân gian về lao động kết hợp chăm sóc sức khỏe; làm vườn có tác dụng tích cực với sức khỏe của người cao tuổi.

Từ khóa: Không gian sinh thái, cảnh quan vườn, sinh thái học văn hóa, người cao tuổi, làng Việt.

Mở đầu

Theo quan niệm truyền thống của đại bộ phận người Việt ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, vườn nhà giữ một vị trí quan trọng trong hệ canh tác của người Việt, được đúc kết bằng câu ngạn ngữ “*Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền*”. Câu hỏi đặt ra là giá trị kinh tế đem lại từ vườn có thực sự quan trọng? Ngoài phương diện kinh tế, vườn có còn đem lại lợi ích gì khác cho con người hay không? Nhóm đối tượng nào duy trì mối quan hệ mật thiết nhất đối với sự phát triển của vườn nhà?

Bước đầu trả lời những câu hỏi trên, tác giả đã tiến hành khảo cứu một làng Việt ở ngoại thành Hà Nội: làng Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh trong thời gian 2014 - 2016. Phạm vi nghiên cứu là những năm trước công cuộc Đổi mới.

Đối tượng khảo sát là người cao tuổi¹. Tác giả đã phỏng vấn ngẫu nhiên 72 người (37 nữ, 35 nam) đến từ 72 hộ gia đình khác nhau. Giả định đặt ra là ngoài giá trị kinh tế, vườn nhà còn có nhiều đóng góp quan trọng khác như về mặt sinh thái, xã hội, chăm sóc sức khỏe và người cao tuổi có mối quan hệ chặt chẽ nhất tới sự hình thành và phát triển của vườn.

1. Những đặc điểm chính của vườn

Theo kết quả thu được từ 72 cuộc phỏng vấn, diện tích vườn nhà lớn nhất dao động ở mức 1.500m², nhỏ nhất ở mức 200m². Đặc điểm chung của các khu vườn là nằm bao quanh nhà ở và những công trình

¹ Bao gồm những người từ 60 tuổi trở lên theo định nghĩa của Pháp lệnh Người Cao Tuổi, số 23/2000/PL-UBTVQH.

liên quan (bếp, nhà ngang). Cách sắp xếp này tạo nên một không gian xanh bao quanh khu vực cư trú, có vai trò góp phần cải thiện sức khỏe, giảm căng thẳng cho con người.

Kết quả thu được từ việc sử dụng phương pháp liệt kê xác định 22 loại cây trồng phổ biến từng được trồng trên 72 khu vườn nhà được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Danh sách 22 loại cây trồng phổ biến

STT	Tên	Sản phẩm sử dụng chính	Vị trí phổ biến trong vườn	Thời điểm thu hoạch
NHÓM CÂY LÀM VẬT LIỆU (xây dựng, đan lát...)²				
1	Tre	Thân	Rìa ngoài	10 năm
2	Xoan	Gỗ, quả	Ven hàng rào	7-10 năm
NHÓM CÂY ĂN QUẢ				
3	Ổi	Quả, gỗ	Giữa vườn	3 năm
4	Mít	Gỗ, quả	Giữa vườn	3 năm
5	Chuối	Quả, thân	Giữa vườn, ven rào	1 năm
6	Hồng xiêm	Quả	Giữa vườn	3-4 năm
7	Nhãn	Quả, gỗ	Ven hàng rào	5-7 năm
8	Trầu không	Lá	Trước nhà, đầu hồi nhà	1 năm
9	Táo	Quả	Giữa vườn	2 năm
10	Hoa hồng	Hoa	Sát nhà, sân	1 năm
11	Lá lốt	Lá	Ven hàng rào	5 tháng
12	Chanh	Quả	Giữa vườn	1-2 năm
13	Đu đủ	Quả	Giữa vườn	1-2 năm
14	Khế	Quả	Giữa vườn	2 năm
15	Dứa	Quả	Dọc hàng rào	1 năm
NHÓM CÂY LÀM THUỐC, THỰC PHẨM				
16	Ngải cứu	Lá	Ven hàng rào	3-5 tháng
17	Cúc tần	Lá	Ven hàng rào	1 năm
18	Rau sam	Lá	Giữa vườn	2-3 tháng
19	Cây nhọ nồi	Thân, rễ	Giữa vườn	3-4 tháng
NHÓM CÂY CẢNH				
20	Hoa dâm bụt	Hoa	Ven hàng rào	3-4 tháng
21	Hoa mào gà	Hoa	Ven hàng rào	1 năm
22	Cau	Quả	Trước sân nhà	3-4 năm

(Nguồn: Khảo sát thực địa của tác giả, 2016).

² Cách phân loại này chỉ mang tính tương đối bởi có loại cây được sử dụng vào mục đích khác nhau như: cây cau (vừa là cây cảnh, vừa là cây cho quả); ngải cứu, tía tô hay lá lốt (vừa là cây thuốc, vừa là cây gia vị); mít (vừa cho quả, vừa cho gỗ).

Nhìn vào đặc điểm phân bố của các loại cây trồng ở trên, dễ dàng nhận thấy thông thường vườn nhà được chia thành 3 vùng: vùng rìa (dành cho các cây lấy gỗ, cây rễ

chùm, cây bụi); *vùng giữa* (cây ăn quả, cây thực phẩm) và *vùng cận nhà* (cây hoa, cây cảnh). Cách sắp xếp này thể hiện tính hợp lý về mặt sinh thái (dựa trên đặc điểm sinh học; công năng của từng loại cây) cũng như đảm bảo sự hài hòa với không gian cư trú. Những cây lấy gỗ, cây có tán lớn, rễ chùm, lâu năm thường được trồng xa nhà để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến an toàn cho con người và công trình (đặc biệt trong mùa mưa bão). Ví dụ, điển hình cho “chiến lược” này là vị trí phổ biến của cây tre. Tất cả các rặng tre đều được trồng ở sát ranh giới giữa các hộ gia đình, xa nhà ở, ven ao, phổ biến ở hướng Đông Bắc. Lựa chọn này có tác dụng giữ đất, đánh dấu ranh giới, chống sạt lở, hạn chế nắng chiếu xiên vào nhà trong buổi sáng, ngăn gió lạnh trong mùa đông, đảm bảo đủ ánh nắng cho sân để phơi nông sản, bảo vệ móng nhà, tránh cây đổ vào nhà³,... Trong khi đó, những cây ăn quả thường được trồng giữa vườn để tiện chăm sóc, trông coi; những cây hoa được trồng gần nhà để đem lại mùi hương, trang trí. Việc bố trí các lớp cây trồng như vậy đồng thời đảm bảo quá trình cộng sinh giữa các loại cây, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực giữa loài này với loài khác thông qua việc xâm lấn không gian sinh tồn, ánh sáng. Trong số 72 người trả lời phỏng vấn, 28 người trả lời từng có ao, nằm ở khu vực giữa của vườn. Việc bố trí cây ăn quả quanh ao cũng thuận tiện cho việc tưới nước, đặc biệt trong mùa khô.

Theo người dân, những loại cây trồng trên vườn có thể được phân loại vào 5 nhóm bao gồm: cây lấy gỗ, làm vật liệu (xoan, tre),

cây ăn quả (táo, hồng xiêm, ổi, chuối, khế, bưởi), cây thuốc (nhọ nôi, cây đinh lăng, ngải cứu), cây gia vị (lá lốt, ớt) và cây cảnh (hoa hồng, thiên lý, nhài). Sự đa dạng về những loại cây trồng vừa mang đến nguồn thu quanh năm cho hộ gia đình, vừa có thể sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau. Thêm vào đó, cách bố trí những lớp cây trồng trên vườn nhà phản ánh một vài đặc điểm kinh tế - xã hội điển hình trong xã hội truyền thống của người Việt vùng châu thổ Bắc Bộ: nền kinh tế mang tính tự cung tự cấp cao; sản xuất nông nghiệp là nguồn thu chính của hộ gia đình; mật độ dân số tương đối thấp, quá trình đô thị hóa chưa phát triển, nền kinh tế hàng hóa, chuyên canh chưa hình thành. Một số loại cây trồng đã vượt qua khỏi giá trị vật chất, trở thành biểu tượng văn hóa của vườn nhà người Việt nói riêng, làng Việt nói chung: cây tre, giàn trâu, cây mít,... Điều này được phản ánh khá nhiều qua các câu tục ngữ, ca dao, trong các tác phẩm văn học từ trước đến nay. Cây cau từ lâu đã trở thành loại cây đại diện cho làng quê của người Việt, là hình ảnh không thể bỏ qua khi mô tả về làng Việt.

2. Lợi ích đem lại từ vườn

Mô hình vườn - ao - chuồng từng được coi là mô hình lý tưởng để phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, lợi ích mà vườn nhà đem lại trên thực tế, theo đánh giá của người trả lời phỏng vấn, không chỉ dừng lại ở khía cạnh kinh tế mà còn thể hiện ở cả khía cạnh môi trường, sức khỏe, xã hội, văn hóa.

2.1. Lợi ích kinh tế

Dù khó có thể lượng hóa thu nhập tiền mặt từ mảnh vườn nhà do tính chất không thường xuyên, tản mạn của các sản phẩm thu được từ vườn, hầu hết người trả lời phỏng

³ Lối thực hành này mang tính đặc trưng ở làng Dục Nội, dù ở nhiều làng quê khác, việc trồng tre khu vực ranh giới có thể gây ra mâu thuẫn giữa các hộ liền kề, do ảnh hưởng của rễ tre, tán tre tới nhà bên cạnh.

vấn cho rằng trước những năm Đổi mới, vườn đem lại lợi ích kinh tế không nhỏ cho gia đình họ, thông qua những hình thức sau:

Thứ nhất, các cây lấy gỗ cung cấp nguyên liệu quan trọng cho việc làm nhà - việc vốn được coi là một trong ba việc quan trọng nhất trong đời người. Việc trồng tre, xoan, mít thường được tiến hành trước cả chục năm, là nguồn tài sản dự trữ quan trọng, giúp người dân giảm được khoản chi lớn khi quyết định làm nhà. Không ít hộ hoàn toàn tự cung cấp đủ tre, gỗ để xây nhà mới cho con khi lập gia đình.

Thứ hai, sự hiện diện của cây ăn quả ở cả 4 mùa khác nhau giúp người dân có thu nhập thông qua việc bán cây trái tại chợ làng, chợ huyện. Cây nhãn được coi là đem lại lợi ích dễ đo lường nhất do được thu hoạch và bán tại một thời điểm (chủ yếu là bán khoán cả cây cho tư thương). Có hộ thừa nhận, thu nhập từ một vụ nhãn có khi đủ mua hàng tấn thóc - tức là tương đương với sản lượng của 3 - 4 sào lúa. Thu nhập từ các cây ăn quả khác dù không nhiều nhưng đem lại một lượng tiền mặt theo vụ, giúp người dân trang trải những nhu cầu tiêu dùng hàng ngày như mua thêm thực phẩm, đồ dùng gia dụng, quần áo, giày dép cho con cái. Đặt nguồn thu này trong xã hội với nền nông nghiệp lúa nước là hoạt động sinh kế chính, nặng về tính tự cung tự cấp, mới thấy được giá trị của nguồn thu nhập (dù không thường xuyên) này.

Thứ ba, những sản phẩm từ vườn có thể được dùng để bán lấy tiền mặt khi gia đình cần một khoản tiền gấp nào đó như khi có người ốm, giỗ chạp. Không ít hộ gia đình nhờ bán được vài chục gốc tre, đôi ba cây mít, là nguồn tiền quan trọng tổ chức cưới

xin, sửa sang được căn nhà đã xuống cấp, mua đôi lợn hay trâu giống lấy sức cày sau này. Có gia đình từng thậm chí phải bán “non” cây trái trong vườn khi cần tiền gấp để chữa bệnh cho người thân⁴.

Thứ tư, mảnh vườn còn góp phần vào phục vụ chăn nuôi nhờ những cây trồng có thể dùng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm như chuối, rau lang, bèo (dưới ao). Mảnh vườn cũng là nơi có thể nuôi ngan, vịt để có thêm nguồn thực phẩm hoặc để bán, đem lại nguồn tiền mặt đáng kể. Hầu hết những người cao tuổi ở làng Dục Nội từng quen thuộc với việc xách đôi gà, cặp vịt đi bán tại chợ huyện (chợ Tó, cách làng chừng 1,5km) để có tiền trang trải nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Thứ năm, tre trong vườn cung cấp nguyên liệu để đan lát các vật dụng cho gia đình (rổ, giỏ, nong, nia, gàu tát nước). Vườn cũng là nơi cung cấp một ít chất đốt (dù không thường xuyên) qua nguồn lá, củi khô.

Từ những phân tích trên, có thể nhận thấy lợi ích kinh tế mà vườn đem lại cho hộ gia đình đa dạng về mặt hình thức. Đó có thể là tiền mặt hoặc thực phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho gia đình, vật liệu xây dựng. Mặc dù khó lượng hóa thành con số cụ thể trên một đơn vị diện tích xác định, các sản phẩm từ vườn giúp người dân có thêm thu nhập để trang trải các chi tiêu gia đình, thậm chí có thêm nguồn lực quan trọng khi cần tổ chức nghi lễ hay tiến hành một kế hoạch nào đó.

2.2. Lợi ích môi trường, sức khỏe

Bên cạnh lợi ích về mặt kinh tế, mảnh vườn cũng đem lại giá trị không nhỏ về mặt

⁴ Hình thức bán sản lượng cả cây trước mùa thu hoạch, phổ biến với cây nhãn, bưởi, mít

môi trường và sức khỏe. Các lớp thảm thực vật xanh bao quanh góp phần tạo nên không gian sống trong lành, hạn chế bụi, gió, mưa, nắng quanh năm cho ngôi nhà, không gian cư trú của con người. Trong bối cảnh hầu hết nhà ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ thường hướng về phía Nam/Đông Nam, lớp thảm thực vật bao quanh nhà đóng vai trò hạn chế tối đa tác động tiêu cực của những điều kiện thời tiết bất lợi đến ngôi nhà cũng như đến con người. Sự bố trí 3 lớp thực vật trong vườn: cao (ngoài rìa), trung bình (vùng trung tâm) và thấp (ở cận nhà) là sự kết hợp hài hòa, đảm bảo sự phát triển tối đa cho tất cả các loại cây trồng. Lợi ích toàn diện của mô hình nhà ở giữa, vườn bao quanh được chứng tỏ qua xu thế người thành phố ra ngoại thành mua đất xây biệt thự, nhà vườn trong những năm gần đây...

Thêm vào đó, mảnh vườn duy trì sự đa dạng, cân bằng sinh học không chỉ cho không

gian quanh nhà mà cả cho môi trường sống ở phạm vi làng, xã. Dưới tán lá của hàng chục loại cây lớn còn là không gian cư trú thường xuyên, tạm thời của nhiều loài động vật, côn trùng, trong đó nhiều loài có đóng góp tích cực cho con người: bướm, ong giúp thụ phấn cho cây ăn quả; chim diệt sâu bọ, báo hiệu biến chuyển thời tiết...

Mỗi khu vườn còn đóng vai trò như một vườn thuốc quý để chữa không ít căn bệnh như cảm, sốt, tiêu hóa, ngoài da, xương khớp. Kinh nghiệm dân gian đã giúp người dân đúc rút ra nhiều bài thuốc hữu hiệu, sử dụng ngay những loài cây có sẵn trong vườn nhà. Giá trị của những bài thuốc, cây thuốc này chỉ có thể hiểu trọn vẹn nếu đặt trong bối cảnh vài chục năm trước, khi nền y học hiện đại chưa phát triển, hệ thống chăm sóc sức khỏe chưa đủ rộng, sẵn có như hiện nay.

Bảng 2. Công dụng của một số loại cây dùng để chữa bệnh

Loại cây	Một số công dụng chính
Ngải cứu	Cầm máu, bệnh ngoài da (mụn, mẩn ngứa), đau đầu, nhức khớp xương, suy nhược cơ thể
Rau sam	Kích thích tiêu hóa, bệnh ngoài da, trị giun, chướng bụng, sát trùng
Lá lốt	Giảm đau, trị cảm lạnh, mề hôi nhiều ở chân, tay, nhức xương khớp, tiêu hóa
Nhọ nồi	Cầm máu, hạ sốt, bổ thận, bệnh ngoài da
Cúc tần	Thân lá chữa cảm sốt, cúm, ra mồ hôi, đau bụng do ăn không tiêu, ho nhiều đờm, bó chữa gãy xương, vết lở loét, sưng đau, mất ngủ, tâm thần kích thích, phù nề, viêm xoang

(Nguồn: Khảo sát thực địa của tác giả, 2016).

Ngoài ra, lá một số cây như tre, bưởi còn được dùng để xông giải cảm, lá ổi non, trái mít non, quả hồng xiêm xanh dùng để chữa bệnh tiêu chảy,... Đây là những bệnh khá phổ biến ở khu vực nông thôn trước đây. Bên cạnh tính tiện lợi, những bài thuốc dân gian này đã được y học hiện đại thừa nhận tính ưu việt khi ít tạo ra tác dụng phụ với cơ thể hơn so với tân dược, được khuyến cáo sử dụng, đặc biệt cho trẻ nhỏ, người già và thai phụ (Đỗ Tất Lợi, 2004).

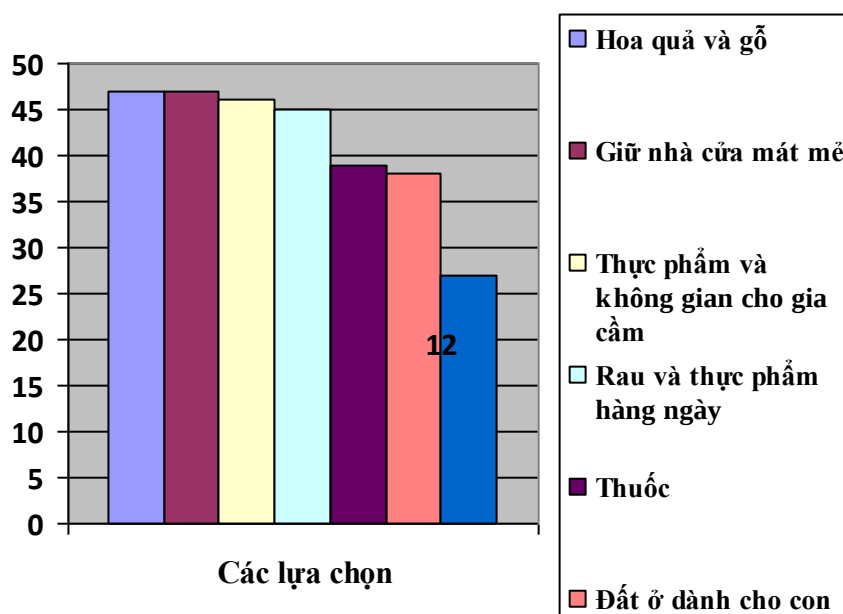
2.3. Lợi ích xã hội, văn hóa

Với người dân ở làng Dục Nội nói riêng, vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung, mảnh vườn còn tạo ra sự gắn kết xã hội với họ hàng, làng xóm. Hình thức cho, biếu hoa trái theo mùa trước đây rất phổ biến. Người ta thậm chí còn vay nhau chục cây tre, vài cây xoan để làm nhà khi cần thiết rồi trả lại khi cây trong vườn nhà mình đã đủ lớn. Nếu trái qua tuổi thơ ở vùng nông thôn, người ta sẽ coi chuyện sang xin hàng xóm mớ lá ổi, ít

ngải cứu về nấu ăn là hết sức bình thường. Mỗi quan hệ tương hỗ này góp phần tạo dựng sự gắn kết xã hội giữa các hộ gia đình thông qua một dạng “quà tặng” như nhà Nhân học người Pháp Marcel Mauss đã chỉ ra (Mauss, 1964). Mảnh vườn vẫn duy trì không gian mở giữa các hộ gia đình bởi hàng rào dây bụi, cúc tần hay rặng tre chỉ có tính chất đánh dấu ranh giới. Người bên này vẫn có thể thấp thoáng nhìn thấy người bên kia, người ta thậm chí vẫn có thể gọi nhau, loan truyền cho nhau một tin nào đó. Mảnh vườn cũng là nơi lưu giữ các tri thức dân gian trong việc chăm sóc sức khỏe (qua việc sử dụng cây thuốc), dự báo thời tiết (dựa vào đặc điểm sinh học của cây, động vật, côn trùng sống trong vườn), chăm sóc gia cầm, một số nghề thủ công (đan lát).

Sơ đồ 1 dưới đây mô tả những lựa chọn nhiều nhất của người dân khi đánh giá về lợi ích mà mảnh vườn nhà đem lại.

Sơ đồ 1. Lợi ích của vườn qua nhận định của người dân



(Nguồn: Khảo sát thực địa của tác giả, 2016).

3. Vườn nhà và người cao tuổi

Dưới góc độ nhân học sinh thái, vườn nhà có thể được coi là một dạng cảnh quan (landscape), được định nghĩa *“không chỉ là thực thể vật chất mà cả tinh thần, xã hội và văn hóa. Nhân tố quan trọng gắn kết khoa học nghiên cứu về tự nhiên và con người trong phạm vi nghiên cứu cảnh quan là mối quan hệ qua lại giữa chính con người và cảnh quan mà họ sống trong đó”* (Palang và cộng sự, 2005, tr. 4). Cảnh quan là *“biểu hiện vật chất cho mối quan hệ giữa con người và môi trường”* (Crumley, 1994, tr. 6) và có thể tiếp cận như một *“đơn vị để phân tích”* (Crumley, 1994, tr. 16). Nhìn vào cảnh quan, người ta không chỉ thấy thực tại mà đồng thời thấy cả tàn dư của quá khứ (Morris, 1995). Chúng luôn thay đổi dưới tác động của nhiều nhân tố khác nhau, đến từ bên trong cũng như bên ngoài. Cấu trúc và thành phần của chúng có ảnh hưởng tới sự phân bố, mức độ đa dạng của những giống loài (Morris, 1995; Thomas, 2002). Mỗi cảnh quan được diễn giải tốt nhất bởi chính những người sinh sống trong nó vì đó là kết quả của những nỗ lực tạo dựng một lối sống, phản ánh một quan điểm sống (Bunnell, 2004).

Xuất phát từ những quan điểm trên, nhìn vào cấu trúc, thành phần của vườn nhà người Việt ở làng Dục Nội trước Đổi mới có thể nhận diện một số đặc điểm kinh tế, cấu trúc xã hội (xã hội tương đối khép kín, thuần nông, tính chất tự cung, tự cấp cao, mật độ dân số thấp), biểu hiện văn hóa (đề cao vai trò của người cao tuổi, tính cộng đồng nổi trội, quan hệ láng giềng gắn kết...). Dựa vào những đặc điểm của vườn nhà được mô tả ở trên, có thể đưa ra một số nhận định sau:

Thứ nhất, vườn nhà là không gian được tạo dựng, chăm sóc bởi người cao tuổi là chính. Họ là người trực tiếp quản lý nguồn thu từ vườn. Đây là một thể ứng xử hết sức nhân văn, hợp lý với tình trạng sức khỏe, nhu cầu sinh hoạt của họ. Mô hình vườn nhà giúp họ có được thu nhập quanh năm (dù không quá lớn) để tự trang trải nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, giảm lệ thuộc vào con cái, đồng thời cũng tạo ra không gian để họ vừa giải trí vừa lao động trong khả năng cho phép.

Thứ hai, vườn nhà tạo ra mối gắn kết giữa người cao tuổi với các thế hệ sau này. Dù không nhiều, thu nhập từ bán hoa trái cũng giúp họ thỉnh thoảng có điều kiện mua đồng quà, tấm bánh cho cháu chắt. Các cây lấy gỗ được coi như của để dành mà họ để lại cho con cháu mình, giúp họ phần nào khi cần xây nhà hay một khoản tiền đáng kể nào đó. Điều đó giúp họ cảm thấy có ích cho con cháu và qua đó, góp phần duy trì ảnh hưởng, tiếng nói của họ trong gia đình.

Thứ ba, vườn nhà giúp duy trì việc ứng dụng các tri thức, kinh nghiệm dân gian trong việc chăm sóc sức khỏe. Những tri thức này được tích lũy qua thời gian và người cao tuổi am hiểu hơn ai hết nhờ trải nghiệm mà họ đã đi qua trong suốt cuộc đời mình.

Thứ tư, cách bài trí không gian vườn đặc biệt có tác dụng tích cực với sức khỏe của người cao tuổi - những người vốn dành phần lớn thời gian ở nhà. Sự tích hợp các tính năng về mặt môi trường, kinh tế, tinh thần giúp họ có được không gian sống khỏe, ích lợi và thư giãn.

Kết luận

Qua nghiên cứu trường hợp cụ thể vườn nhà của người Việt ở một làng ngoại thành Hà Nội, có thể thấy cách tổ chức, cấu

trúc của chúng đem lại nhiều lợi ích khác nhau cho người dân nói chung, người cao tuổi nói riêng. Ngoài hiệu quả kinh tế, vườn còn đem lại những giá trị về môi trường, sinh thái, sức khỏe, xã hội, văn hóa cho cộng đồng. Đây là những giá trị cần tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn, phục vụ cho công tác quy hoạch, phát triển khu vực nông thôn ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Crumley, Carole L. (1994), *Historical Ecology: Cultural Knowledge and Changing Landscapes*, School of American Research Advanced Seminar Series: SAR Press, New York.
2. H. Palang, S. Helmfrid, Marc Antrop Ugent and H Aluma (2005), “Rural Landscapes: past processes and future strategies”, *Landscape and Urban Planning*, No. 70, Pp. 3-8.
3. Đỗ Tất Lợi (2004), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội.
4. Mauss, Marcel (1964), *The gift; forms and functions of exchange in archaic societies*, Cohen & West, London.
5. Morris, Douglas W. (1995), “Habitat selection in mosaic landscapes”, in: *Mosaic landscape and ecological process*, Hansson In L. Fahrig and G. Merriam, Chapman and Hall, New York.
6. Thomas, Mandy (2002), “Out of Control: Emergent Cultural Landscapes and Political Change in Urban Vietnam”, *Urban Studies*, No. 9, Pp. 1611-1624.
7. Tim, Bunnell (2004), *Malaysia, Modernity and the Multimedia Super Corridor: A critical geography of intelligent landscapes*, Pacific Rim Geographies, Routledge.
8. Nguyễn Khắc Tụng (1993), *Nhà ở cổ truyền ở Bắc Bộ Việt Nam*, Hội khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội.



Quang cảnh làng Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Hà Nội

Ảnh: Nguyễn Công Thảo, chụp năm 2015.